**TUẦN 26**

**Toán (Tiết 126)**

**PHÂN SỐ VÀ PHÉP CHIA SỐ TỰ NHIÊN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được thương của một số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành một phân số.

- HS biết mọi STN đều có thể viết thành 1 phân số có tử số là STN đó và mẫu số bằng 1

\* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

\* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, máy chiếu

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu**- Gọi 2 học sinh lên bảng, yêu cầu :- Tô màu số hình tròn để biểu diễn các phân số bên dưới hình+ Giáo viên đọc cho học sinh này viết 1 số phân số , sau đó viết 1 số phân số cho học sinh đọc+ Chữa bài, nhận xét học sinh + GTB, Nêu mục tiêu tiết học  | + Học sinh 1 thực hiện YC.+ Học sinh 2 thực hiện YC- HS ghi đề bài vào vở |
| **2. Hình thành kiến thức:**+ Giáo viên nêu vấn đề: Chia đều 3 cái bánh cho 3 bạn thì mỗi bạn được mấy cái bánh? ( 3 : 3 = 1)+ Các số 3,3,1 được gọi là các số gì?+ Khi thực hiện chia 1 số tự nhiên cho 1 số tự nhiên khác 0 , ta có thể tìm được thương là 1 số tự nhiên . Nhưng không phải lúc nào ta cũng có thể thực hiện như vậy.+ Giáo viên nêu tiếp vấn đề: Có 3 cái bánh chia đều cho 4 bạn. Hỏi mỗi bạn được mấy phần cái bánh?+ Yêu cầu HS nêu cách chia.+ GV nêu: Có 5 cái bánh chia đều cho 4 bạn. Hỏi mỗi bạn được mấy phần cái bánh?+ Thương trong phép chia 3 : 4 = $\frac{3}{4} $có gì khác so với thương trong phép chia  3 : 3 = 1? - Giáo viên kết luận( SGK tr 52)  | - Mỗi bạn được 1 cái bánh- HS trả lời**-** Học sinh thảo luận và đi đến cách chia- Có 3 cái bánh, chia đều cho 4 bạn thì mỗi bạn nhận được 3/4 cái bánh. Vậy 3: 4 = $\frac{3}{4}$- HS trả lời và nêu rõ cách chia- Mỗi bạn được $\frac{5}{4}$cái bánh- HS tra lời |
| **3. Luyện tập, thực hành:****Bài 1**: - Yêu cầu học sinh đọc đề bài- Giáo viên nhận xét bài làm của học sinh *GV chốt: Phép chia 1 số tự nhiên cho 1 số tự nhiên khác 0 không phải bao giờ cũng là 1 STN.**Lưu ý trường hợp: 0: 6 = 0* | - HS đọc đề bài- 1 học sinh lên bảng chữa bài- HS nhận xét bài bạn |
| **Bài 2: -**Yêu cầu học sinh đọc đề, đọc mẫu và tự làm bài.- Qua bài tập a em thấy mọi số tự nhiên đều có thể viết dưới dạng phân số như thế nào? - Giáo viên gọi học sinh khác nhắc lại kết luận như SGK | - HS đọc đề bài và tự làm bài.**-** Có tử số là số tự nhiên đó và mẫu số bằng 1. |
| **Bài 3**: - Yêu cầu HS đọc đề bài+ Yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi và khoanh kết quả vào đáp án đúng A, B, C+ Gọi đại diện các nhóm trả lời và nêu lí do tại sao lại khoang vào đáp án đó.+ GV chốt: đáp án: C | - HS đọc đề bài- HS trao đổi nhóm đôi, chia sẻ đáp án- HS trình bày trước lớp |
| **4.** **Vận dụng, trải nghiệm*** Tổng kết giờ học.
* Dặn chuẩn bị bài sau
 | - Lắng nghe- Thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

**Toán (Tiết 127)**

**LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được thương của một số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành một phân số.

- HS biết mọi STN đều có thể viết thành 1 phân số có tử số là STN đó và mẫu số bằng 1

\* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

\* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, máy chiếu

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu*** + Gọi học sinh lên bảng làm bài
	+ Viết thương của mỗi phép chia sau dưới dạng phân số

8 :9 64 :8 1 :7 0 : 5 - Giáo viên chữa bài, nhận xét - GTB, cho HS nêu yêu cầu cần đạt  | - HS lên bảng làm bài, ở dưới viết vào vở nháp.- HS nhận xét bài của bạn- HS nêu yêu cầu cần đạt |
| **2. Luyện tập, thực hành****Bài 1**: Cho HS đọc yêu cầu đề bài- GV cho HS làm bài cá nhân vào vở ô li- GV cho HS đọc nối tiếp mỗi HS 1 phép tính.- GV cho HS nhận xét, bổ sungGV chốt: *Phép* *chia số TN đều viết thành phân số*. (có mẫu số khác 0)**Bài 2**: Cho HS nêu yêu cầu đề bàiTổ chức trò chơi: “Tìm thức ăn cho con vật”+ GV phổ biến tên trò chơi, cách chơi, luật chơi.+ Tổ chức trò chơi+ GV chốt đội chơi đã tìm được thức ăn cho con vật.+ GV chốt kiến thức: *Mỗi phép chia số tự nhiên có thể viết thành phân số, ngược lại 1 phân số cũng có thể viết thành phép chia số tự nhiên***Bài 3:** GV cho HS nêu yêu cầu đề bài+ GV hướng dẫn mẫu: Cân 4 hộp kẹo như nhau được 1 kg. Hỏi cân 1 hộp nặng bao nhiêu kg?+ Nhấn mạnh: dấu ? chính là số cần điền ở tử số và mẫu số.+ GV cho HS thảo luận nhóm 2 và trả lời+ Gọi đại diện các nhóm trả lời và giải thích cách làm+ Gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung.+ GV chốt: *Cách tìm phân số là số đo đại lượng.***Bài 4**: Cho HS nêu yêu cầu bài- GV cho Hs làm việc cặp đôi, 1 HS đọc phân số, 1 HS chỉ vào vật có khối lượng tương ứng.- GV và HS nhận xét.+ GV chốt *cách đọc, viết phân số chứa đại lượng.***Bài 5:*** + GV gọi HS đọc đề bài

a. GV hướng dẫn mẫu như SGK* + GV cho HS tự hoàn thiện tìm độ dài các cạnh còn lại

b. Cho HS thực hiện làm bài cá nhân vào vở ô li.- GV cho HS nhận xét - GV chốt: *Cách tìm độ dài các đoạn thẳng tương ứng.* | * + HS đọc yêu cầu
	+ HS làm bài vào vở
	+ HS thực hiện

- HS đọc đề và nêu yêu cầu- HS lắng nghe- HS chơi - HS nêu yêu cầu đề- HS thảo luận nhóm 2 vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi- Đại diện các nhóm trả lời và giải thích rõ cách làm.- HS đọc đề và nêu yêu cầu đề bài 4- HS đọc và chọn đồ vật thích hợp với khối lượng- HS đọc đề bài- HS lắng nghe- HS tìm độ dài của cạnh AD, AE, AG- HS thực hiện và neu cách làm |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm:**- Nhận xét tiết học.- Về nhà chuẩn bị bài: Tính chất cơ bản của phân số. | - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

**Toán (Tiết 128)**

**TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Năng lực đặc thù:

**-** HS nhận biết được tính chất cơ bản của phân số, nhận biết được sự bằng nhau của 2 phân số bằng nhau, vận dụng giải bài tập, bài toán có liên quan.

\* Năng lực chung: năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, yêu thích môn học.

\* Phẩm chất: tính cẩn thận, làm Toán nhanh, chính xác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, máy chiếu

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu*** + Gọi học sinh lên bảng làm bài

+ Đoạn đường dài 1km, được chia thành 4 đoạn bằng nhau. Đội công nhân đã sửa ba đoạn như thế. Vậy đã sửa được…km còn fải sửa…km.* + Chữa bài, nhận xét, cho điểm.

- GTB, Nêu mục tiêu tiết học  | - HS lên bảng làm bài, ở dưới viết vào vở nháp.- HS nhận xét bài của bạn- HS nêu yêu cầu cần đạt |
| **2. Hình thành kiến thức****a. Bài toán thực tế****+** GV nêu vấn đề: Có hai băng giấy dài bằng nhau. GV gọi 2 HS lên bảng thao tác.- Bạn Việt chia băng giấy thứ nhất thành 3 phần bằng nhau rồi tô màu 2 phần. Hỏi bạn Việt tô màu bao nhiêu phần băng giấy?- Bạn Mai chia băng giấy thứ 2 thành 6 phần bằng nhau, rồi tô màu 4 phần. Hỏi bạn Mai tô màu bao nhiêu phần băng giấy? + GV cho HS thao tác và trả lời+ GV chốt đáp án: *Việt đã tô màu*  $\frac{2}{3} $*băng giấy. Mai đã tô màu* $\frac{4}{6}$*băng giấy*.+ Nhận xét về độ dài của hai băng giấy vừa tô màu? + So sánh phân số $\frac{2}{3}$và $\frac{4}{6}$**b. Tính chất cơ bản của phân số**- Làm thế nào từ phân số $\frac{2}{3}$ta có được phân số $\frac{4}{6}$?- Làm thế nào từ phân số $\frac{4}{6}$ ta có được phân số $\frac{2}{3}$?GVKL: *Rút ra tính chất cơ bản của phân số(* *hai phân số bằng nhau* ) *như nhận xét SGK trang 56*+ GV cho HS thuộc kiến thức tại lớp. | - HS lắng nghe- HS dưới lớp thao tác trên băng giấy (đã chuẩn bị) theo hình thức nhóm 2 - HS trả lời.- HS trả lời.- HS so sánh hai phân số - HS trả lời - HS lắng nghe - HS nhắc lại kiến thức về phân số bằng nhau  |
| **3. Luyện tập, thực hành****Bài 1:** * + Cho hs làm bài cá nhân vào SGK
	+ Trình chiếu và chữa bài
	+ GV cho HS nêu kết quả, HS nhận xét đáp án đúng.

GV chốt: *phân số bằng nhau.*- Yêu cầu học sinh nhắc lại tính chất cơ bản của phân số**Bài 2:** - GV cho HS nêu yêu cầu đề bài- Cho HS thảo luận nhóm 2 làm bài vào vở ô li.- Gọi HS lên bảng chữa bài- GV trình chiếu đáp án và chữa bàiGVKL: *Vận dụng tính chất cơ bản của phân số để tìm thừa số hoặc số chia chưa biết. Từ đó tìm được các phân số bằng phân số đã cho.*Bài 3: + GV cho HS tìm hiểu đề bài rồi làm bài+ Yêu cầu HS nêu cách thực hiện.+ GV chốt kết quả:$\frac{6}{9}$ **=** $\frac{6:3}{9 :3}$ **=** $\frac{2}{3}$Đáp án C+ Phân số 2/3 bằng phân số nào?GVKL: *Khi chia cả tử và mẫu cho cùng 1 số tự nhiên khác 0 ta được một phân số mới bằng phân số đã cho.* | - HS làm bài cá nhận vào SGK.- HS nêu kết quả- HS nhận xét đáp án đúng.- HS nhắc lại tính chất cơ bản của phân số- HS nêu yêu cầu đề bài- HS thảo luận nhóm 2 làm bài vào vở ô li.- HS chữa bài- HS làm bài và khoanh vào đáp án đúng- HS nêu cách làm- HS trả lời |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm**- Yêu cầu HS nhắc lại tính chất cơ bản của phân số.- Nhận xét tiết học.- Về nhà chuẩn bị bài: Luyện tập | - HS nhắc lại tính chất cơ bản của phân số- HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

**Toán (Tiết 129)**

**LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Năng lực đặc thù:

**-** Củng cố tính chất cơ bản của phân số, bổ sung kiến thức nếu nhân (chia) cả số chia và số bị chia với 1 số tự nhiên khác 0 thì thương không thay đổi

\* Năng lực chung: năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, yêu thích môn học.

\* Phẩm chất: tính cẩn thận, chăm chỉ, trách nhiệm

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, máy chiếu

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu****+** GV yêu cầu HS nêu lại tính chất cơ bản của phân số.+ Tìm phân số bằng phân số $\frac{4}{6}$+ GV cho HS nhận xét, kết luận cách tìm đúng phân số bằng nhau.+ GV giới thiệu bài, cho HS nêu yêu cầu cần đạt. | - HS nêu lại tính chất cơ bản của phân số.- HS nêu các phân số- HS ghi đề bài vào vở- HS nêu yêu cầu cần đạt |
| **2. Luyện tập, thực hành****Bài 1:** * + Cho hs làm bài cá nhân vào SGK
	+ Trình chiếu và chữa bài
	+ GV cho HS nêu kết quả, HS nhận xét đáp án đúng.

GV chốt: *Cách tìm thừa số và số chia để tìm ra các phân số bằng nhau***Bài 2:** - GV cho HS nêu yêu cầu đề bài- GV nêu vấn đề: Có 2 cột, cột trái là biểu thức chưa 2 chữ, cột phải là giá trị của biểu thức.+ GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 tính giá trị của biểu thức với a = 12, b = 4.+ Gọi HS nêu kết quả của 2 biểu thức+ Nhận xét về kết quả của hai biểu thức- GV trình chiếu và chốt: kết quả hai biểu thức bằng nhau.+ Nếu nhân (chia) số bị chia và số chia cho cùng 1 số tự nhiên khác 0 thì thương như thế nào? GVKL: *Nếu nhân (chia) số bị chia và số chia cho cùng 1 số tự nhiên khác 0 thì thương không thay đổi*b. Từ câu a, GV cho HS nêu được dấu so sánh đó là dấu “ =”**Bài 3:**a,b ) Hướng dẫn tương tự như bài 1Đáp án: a. Con bướm số 2, con ong số 6b. Yêu cầu HS tìm các tử số và mẫu số còn thiếu ( bị các bông hoa che lấp, rồi tính tổng các số bị che đó)GVKL: *Khi nhân (chia) cả tử và mẫu cho cùng 1 số tự nhiên khác 0 ta được một phân số mới bằng phân số đã cho.* | - HS làm bài cá nhận vào SGK.- HS nêu kết quả- HS nhận xét đáp án đúng.- HS nêu yêu cầu đề bài- HS thảo luận nhóm 2 và tính giá trị của biểu thức- HS nêu kết quả giá trị 2 biểu thức- HS trả lời- HS trả lời- HS làm bài và khoanh vào đáp án đúng- HS nêu cách làm- HS tự làm và ghi số vào vị trí con ong con bướm.- HS thực hiện |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm**- Yêu cầu HS nhắc lại tính chất cơ bản của phân số.- Nhận xét tiết học.- Về nhà chuẩn bị bài: Rút gọn phân số | - HS nhắc lại tính chất cơ bản của phân số- HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

**Toán (Tiết 130)**

**RÚT GỌN PHÂN SỐ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được rút gọn phân số là gì, vận dụng vào giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan.

\* Năng lực chung: năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề.

\* Phẩm chất: tính cẩn thận, chăm chỉ, trách nhiệm

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, máy chiếu

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu**+ Tìm 5 phân số bằng mỗi phân số sau: , $\frac{20}{40}$, $\frac{18}{24}$.+ Chữa bài, nhận xét, cho điểm.+ GTB, Nêu mục tiêu tiết học  | - 3 HS lên bảng làm bài, ở dưới viết vào vở nháp.- HS nhận xét bài của bạn- HS nêu yêu cầu cần đạt |
| **2. Hình thành kiến thức****a. Bài toán thực tế****+** GV nêu vấn đề: như phần a SGK trang 59. + Rút gọn phân số $\frac{20}{35}$nghĩa là như thế nào?GV chốt: *Rút gọn phân số nghĩa là tìm phân số mới bằng phân số ban đầu nhưng có tử số và mẫu số bé hơn.***b. Rút gọn phân số**+ GV cho HS rút gọn phân số $\frac{20}{35}$ . Nếu HS không làm được GV gợi ý + Gợi ý: Xét xem cả tử số và mẫu số đều chia hết cho cùng 1 số tự nhiên nào lớn hơn 1. Sau đó chia cả tử và mẫu cho số tự nhiên đó. Cuối cùng được phân số mới bằng phân số đã cho.+ GV cho HS thảo luận nhóm 2 đề rút gọn phân số+ Gọi HS lên bảng thực hiện và GV kết luận cách rút gọn đúng.$\frac{20}{35}$ **=** $\frac{20 :5}{35:5}$ **=** $\frac{4}{7}$Ta nói: phân số $\frac{20}{35} $đã được rút gọn thành $\frac{4}{7}$$\frac{4}{7}$ chính là phân số tối giản.+ GV cho HS nêu cách hiểu về phân số tối giảnGV chốt 3 bước rút gọn phân số:*Bước 1: Tìm một số tự nhiên lớn hơn 1 sao cho TS và MS của phân số đều chia hết cho số đó.**+ Bước 2: Chia cả tử số và mẫu số cho số đó.**+ Bước 3: Cứ chia như vậy khi tìm được phân số tối giản.*+ GV cho HS thuộc kiến thức rút gọn phân số tại lớp. | - HS lắng nghe- HS trả lời- HS trả lời.- HS lắng nghe- HS thảo luận nhóm 2 rút gọn phân số - HS lên bảng rút gọn phân số - HS nêu cách hiểu phân số tối giản- HS nhắc lại về 3 bước rút gọn phân số |
| **3. Luyện tập, thực hành****Bài 1:** - GV cho HS nêu yêu cầu đề bài- Cho HS thảo luận nhóm 2 để tìm được các phân số tối giản- Câu b làm bài vào vở ô li- Gọi HS lên bảng chữa bài- GV trình chiếu đáp án và chữa bàiGVKL: *Cách tìm phân số tối giản và cách rút gọn phân số***Bài 2:** + GV yêu cầu HS nêu đề bài+ Cho HS làm cá nhân vào vở ô li+ GV gọi 2 HS lên bảng chữa bài+ Yêu cầu HS nhận xét và nhắc lại cách rút gọn PS.*GV chốt: ba bước rút gọn phân số* | - HS đọc yêu cầu đề bài- HS thảo luận nhóm 2 tìm ra phân số tối giản.- HS chữa bài* + Hs đọc để
	+ HS làm vào vở ô li
	+ 2 HS lên bảng chữa bài

- HS nhắc lại kiến  |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm**- Yêu cầu HS nhắc lại 3 bước rút gọn phân số.- Nhận xét tiết học.- Về nhà chuẩn bị bài: Luyện tập | - HS nhắc lại 3 bước rút gọn phân số- HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**